

Phụ lục
PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HOÁ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023
của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk)

NHÓM TTHC LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI

1. Nội dung đơn giản hóa: Đề xuất lồng ghép 22 nhóm TTHC lĩnh vực Đất đai như sau:

STT	Mã số các TTHC lồng ghép	Tên TTHC lồng ghép	Thời hạn giải quyết
1	1.004199 và 1.004227	(1) Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, Giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng (sau đây viết tắt là Giấy chứng nhận) mà phải thực hiện việc đo đạc xác định lại diện tích, kích thước, số hiệu, địa chỉ thửa đất (trường hợp có sự chênh lệch giữa số liệu đo đạc thực tế với số liệu ghi trên Giấy chứng nhận đã cấp mà ranh giới thửa đất đang sử dụng không thay đổi so với ranh giới thửa đất tại thời điểm có giấy tờ về quyền sử dụng đất)	16 ngày làm việc (giảm 01 ngày so với quy định của Chính phủ)
2	1.004227 và 1.004206	(1) Cấp giấy chứng nhận sau khi UBND cấp huyện quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất thực hiện đồng thời với thủ tục (2) Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân khi hết hạn sử dụng đất	Không quá 14 ngày làm việc (giảm 01 ngày so với quy định của Chính phủ)
3	1.001045 và Thủ tục đăng ký biện pháp bảo đảm	(1) Cấp lại Giấy chứng nhận hoặc cấp lại Trang bổ sung của Giấy chứng nhận do bị mất thực hiện đồng thời với thủ tục (2) Đăng ký thay đổi nội dung biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã đăng ký và thủ tục (3) Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	Trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất: Không quá 12 ngày làm việc; Trường hợp Trang bổ sung của Giấy chứng nhận do bị mất: Không quá 10 ngày làm việc (giảm 02 ngày so với quy định của Chính phủ)

STT	Mã số các TTHC lồng ghép	Tên TTHC lồng ghép	Thời hạn giải quyết
4	1.005194 và 1.004206	(1) Cấp lại Giấy chứng nhận hoặc cấp lại Trang bổ sung của Giấy chứng nhận do bị mất thực hiện đồng thời với thủ tục (2) Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân khi hết hạn sử dụng đất đối với trường hợp có nhu cầu	Trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất: không quá 15 ngày làm việc Trường hợp cấp lại Trang bổ sung của Giấy chứng nhận do bị mất: không quá 12 ngày làm việc (giảm 03 ngày làm việc so với quy định của Trung ương)
5	1.005194 và 1.004227 và 1.004206	(1) Cấp lại Giấy chứng nhận hoặc cấp lại Trang bổ sung của Giấy chứng nhận do bị mất thực hiện đồng thời với thủ tục (2) Đăng ký biến động do thay đổi địa chỉ thửa đất và thủ tục (3) Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân khi hết hạn sử dụng đất	23 ngày làm việc (giảm 02 ngày so với quy định của Chính phủ)
6	1.002993 và 1.004206	(1) Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định (thực hiện đối với trường hợp bên nhận chuyển quyền sử dụng đất chỉ có Giấy chứng nhận của bên chuyển quyền sử dụng đất) thực hiện đồng thời với thủ tục (2) Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân khi hết hạn sử dụng đất đối với trường hợp có nhu cầu	Trường hợp xác nhận vào Giấy chứng nhận đã cấp: Không quá 14 ngày làm việc (giảm 01 ngày so với quy định của Chính phủ); Trường hợp in mới Giấy chứng nhận: Không quá 20 ngày làm việc (giảm 02 ngày so với quy định của Chính phủ)
7	1.002993 và 1.004199 và 1.004227	(1) Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định (thực hiện đối với trường hợp bên nhận chuyển quyền sử dụng đất chỉ có Giấy chứng nhận của bên chuyển quyền sử dụng đất) thực hiện đồng thời với thủ tục (2) Cấp đổi Giấy chứng nhận	Không quá 25 ngày làm việc (giảm 02 ngày so với quy định của Chính phủ)

STT	Mã số các TTHC lồng ghép	Tên TTHC lồng ghép	Thời hạn giải quyết
		mà phải thực hiện việc đo đạc xác định lại diện tích, kích thước, số hiệu, địa chỉ thửa đất (trường hợp có sự chênh lệch giữa số liệu đo đạc thực tế với số liệu ghi trên Giấy chứng nhận đã cấp mà ranh giới thửa đất đang sử dụng không thay đổi so với ranh giới thửa đất tại thời điểm có giấy tờ về quyền sử dụng đất)	
8	1.004206 và 1.004227	(1) Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân khi hết hạn sử dụng đất đối với trường hợp có nhu cầu thực hiện đồng thời với thủ tục (2) Đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ)	12 ngày làm việc (giảm 03 ngày so với quy định của Chính phủ)
9	2.000889 và 1.004199 và 1.004227	(1) Chuyển nhượng, tặng cho, thừa kế quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất thực hiện đồng thời với thủ tục (2) Cấp đổi Giấy chứng nhận mà phải thực hiện việc đo đạc xác định lại diện tích, kích thước, số hiệu, địa chỉ thửa đất (trường hợp có sự chênh lệch giữa số liệu đo đạc thực tế với số liệu ghi trên Giấy chứng nhận đã cấp mà ranh giới thửa đất đang sử dụng không thay đổi so với ranh giới thửa đất tại thời điểm có giấy tờ về quyền sử dụng đất)	Không quá 26 ngày làm việc (giảm 01 ngày so với quy định của Chính phủ)
10	1.004193 và 1.004199 và 1.004227	(1) Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp thực hiện đồng thời với thủ tục (2) Cấp đổi Giấy chứng nhận mà phải thực hiện việc đo đạc xác định lại diện tích, kích thước, số hiệu, địa chỉ thửa đất (trường hợp có sự chênh lệch giữa số liệu đo đạc thực tế với số liệu ghi trên Giấy chứng nhận đã cấp mà ranh giới thửa đất đang sử dụng không thay đổi so với ranh giới thửa đất tại thời điểm có giấy tờ về quyền sử dụng đất)	Không quá 25 ngày làm việc (giảm 02 ngày so với quy định của Chính phủ)
11	1.004193 và 1.004206 và 1.004199 và 1.004227	(1) Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp thực hiện đồng thời với thủ tục (2) Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân khi hết hạn sử dụng đất đối với trường hợp có nhu cầu và thủ tục (3) Cấp đổi Giấy chứng nhận mà phải thực hiện việc đo đạc xác định lại diện tích, kích thước, số hiệu, địa chỉ thửa đất (trường hợp có sự chênh lệch giữa số liệu đo đạc thực tế với số liệu ghi trên Giấy chứng nhận đã cấp mà ranh giới thửa đất đang sử dụng không thay đổi so với ranh giới thửa đất tại thời điểm có giấy tờ về quyền sử dụng đất)	Không quá 25 ngày làm việc (giảm 07 ngày so với quy định của Chính phủ)

STT	Mã số các TTHC lồng ghép	Tên TTHC lồng ghép	Thời hạn giải quyết
12	1.004199 và 1.004227	(1) Cấp đổi Giấy chứng nhận mà phải thực hiện việc đo đạc xác định lại diện tích, kích thước, số hiệu, địa chỉ thửa đất (trường hợp có sự chênh lệch giữa số liệu đo đạc thực tế với số liệu ghi trên Giấy chứng nhận đã cấp mà ranh giới thửa đất đang sử dụng không thay đổi so với ranh giới thửa đất tại thời điểm có giấy tờ về quyền sử dụng đất) thực hiện đồng thời với thủ tục (2) Đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ); giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền sử dụng đất; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp Giấy chứng nhận	Không quá 20 ngày làm việc (giảm 07 ngày so với quy định của Chính phủ)
13	1.004206 và 1.004199 và 1.004227	(1) Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân khi hết hạn sử dụng đất đối với trường hợp có nhu cầu thực hiện đồng thời với thủ tục (2) Cấp đổi Giấy chứng nhận mà phải thực hiện việc đo đạc xác định lại diện tích, kích thước, số hiệu, địa chỉ thửa đất (trường hợp có sự chênh lệch giữa số liệu đo đạc thực tế với số liệu ghi trên Giấy chứng nhận đã cấp mà ranh giới thửa đất đang sử dụng không thay đổi so với ranh giới thửa đất tại thời điểm có giấy tờ về quyền sử dụng đất)	Không quá 20 ngày làm việc (giảm 02 ngày so với quy định của Chính phủ)
14	1.001045 và 1.004199 và 1.004227	(1) Đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện đồng thời với thủ tục (2) Cấp đổi Giấy chứng nhận mà phải thực hiện việc đo đạc xác định lại diện tích, kích thước, số hiệu, địa chỉ thửa đất (trường hợp có sự chênh lệch giữa số liệu đo đạc thực tế với số liệu ghi trên Giấy chứng nhận đã cấp mà ranh giới thửa đất đang sử dụng không thay đổi so với ranh giới thửa đất tại thời điểm có giấy tờ về quyền sử dụng đất)	Không quá 25 ngày làm việc (giảm 02 ngày so với quy định của Chính phủ)
15	1.004193 và 1.001045	(1) Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp thực hiện đồng thời với thủ tục (2) Đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền	Không quá 15 ngày làm việc (giảm 05 ngày so với quy định của Chính phủ)

STT	Mã số các TTHC lồng ghép	Tên TTHC lồng ghép	Thời hạn giải quyết
16	1.004193 và 1.004206	(1) Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp thực hiện đồng thời với thủ tục (2) Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân khi hết hạn sử dụng đất đối với trường hợp có nhu cầu	Không quá 13 ngày làm việc (giảm 02 ngày so với quy định của Chính phủ)
17	1.004193 và 1.004227	(1) Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp thực hiện đồng thời với thủ tục (2) Đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ)	Không quá 15 ngày làm việc (giảm 05 ngày so với quy định của Chính phủ)
18	1.004206 và 1.001045	(1) Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân khi hết hạn sử dụng đất đối với trường hợp có nhu cầu thực hiện đồng thời với thủ tục (2) Đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền	Không quá 13 ngày làm việc (giảm 02 ngày so với quy định của Chính phủ)
19	1.004203 và 1.004206	(1) Tách thửa hoặc hợp thửa đất thực hiện đồng thời với thủ tục (2) Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân khi hết hạn sử dụng đất đối với trường hợp có nhu cầu	Không quá 14 ngày làm việc (giảm 06 ngày so với quy định của Chính phủ)
20	1.005194 và 1.004227	(1) Cấp lại Giấy chứng nhận hoặc cấp lại Trang bổ sung của Giấy chứng nhận do bị mất thực hiện đồng thời với thủ tục (2) Đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ)	Trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận bị mất: Không quá 19 ngày làm việc (giảm 01 ngày so với quy định của Chính phủ); Trường hợp cấp lại Trang bổ sung của Giấy chứng nhận do bị mất: Không quá 15 ngày làm việc (giảm 05 ngày so với quy định của Chính phủ)

STT	Mã số các TTHC lồng ghép	Tên TTHC lồng ghép	Thời hạn giải quyết
21	Thủ tục đăng ký biện pháp bảo đảm và 1.004227	(1) Đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất (gồm trường hợp đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất hoặc đăng ký thế chấp tài sản) thực hiện đồng thời với thủ tục (2) Đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ)	Không quá 03 ngày làm việc (giảm 08 ngày so với quy định của Chính phủ)
22	Thủ tục đăng ký biện pháp bảo đảm và 1.004227	(1) Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thực hiện đồng thời với thủ tục (2) Đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ)	Không quá 03 ngày làm việc (giảm 08 ngày so với quy định của Chính phủ)

2. Lý do: để giảm bớt số lượng TTHC hiện hành, góp phần đẩy mạnh cải cách, đơn giản hóa TTHC, rút ngắn thời gian giải quyết TTHC, nhằm giảm thời gian giải quyết và chi phí thực hiện TTHC trong lĩnh vực đất đai, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

3. Kiến nghị thực thi: đề xuất lồng ghép 22 nhóm TTHC; đồng thời, điều chỉnh các văn bản quy phạm pháp luật sau:

- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.

- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai.

- Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai.

- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công.

- Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai.

- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định về hồ sơ địa chính.

- Thông tư số 33/2014/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật đất đai.

- Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

- Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai.

- Thông tư số 02/2023/TT-BTNMT ngày 15/5/2023 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính./.